TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 23

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Hỗn số 39 62/100 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 39,62 **B.** 39,062 **C.** 40,62 **D.** 390,62

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 263,759 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 264 **B.** 263 **C.** 263,8 **D.** 266

Câu 3. *(0,5 điểm)* Phân số 1/5 viết thành phân số thập phân là:

A. 1/10 **B.** 2/10 **C.** 3/10 **D.** 2/100

Câu 4. *(0,5 điểm)* 31,319 : 10 = …….

A. 31 319 **B.** 3131,9 **C.** 3,1319 **D.** 313,19

Câu 5. *(0,5 điểm)* Một sợi dây dài 32,04 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 12,8 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 51,28 m **B.** 76,78 m **C.** 76,88 m **D.** 44,84 m

Câu 6. *(0,5 điểm)* 67 000 m² = ……. ha

A. 0,67 **B.** 6,7 **C.** 67 **D.** 670

Câu 7. *(0,5 điểm)* 3719 m = ……. km

A. 371,9 **B.** 3,719 **C.** 0,3719 **D.** 37,19

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình tròn có bán kính 4 cm. Diện tích hình tròn là:

A. 50,24 cm² **B.** 12,56 cm² **C.** 25,12 cm² **D.** 200,96 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 16,89 ……. 16,98

b) 6,7 ……. 6,70

c) 4 tấn 50 kg ……. 4,05 tấn

d) 2 ha ……. 200 000 m²

Câu 10. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hình thang có hai cặp cạnh đối diện song song	
b) Số 7,08 lớn hơn số 7,1	
c) Diện tích hình tam giác bằng độ dài đáy nhân với chiều cao	
d) Nhân một số thập phân với 0,1 ta chuyển dấu phẩy sang trái một chữ số	

Câu 11. *(1 điểm)* Tìm x:

a) $x + 4{,}56 = 9{,}96$; x = ……

b) $x \times 1{,}5 = 14{,}25$; x = ……

c) $86{,}7 - x = 84{,}29$; x = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 m 4 cm = …… m

b) 6 kg 48 g = …… kg

c) 2 km^2 = …… ha

d) 6900 m^2 = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3{,}14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 4 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 4 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 32 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Một tổ may cắt 8 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,8 m vải. Giá mỗi mét vải là 80 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 23

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	B	C	C	B	B	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 16,89 < 16,98

b) 6,7 = 6,70

c) 4 tấn 50 kg = 4,05 tấn

d) 2 ha < 200 000 m²

Câu 10.

a) S; b) S; c) S; d) Đ

Câu 11.

a) x = 9,96 − 4,56 = 5,4

b) x = 14,25 : 1,5 = 9,5

c) x = 86,7 − 84,29 = 2,41

Câu 12.

a) 3,04

b) 6,048

c) 200

d) 0,69

Câu 13.

a) 4 × 2 × 3,14 = 25,12

b) 4 × 4 × 3,14 = 50,24

c) 32 × 3,14 = 100,48

Câu 14.

Số vải: 3,8 × 8 = 30,4 (m)

Số tiền: 80 000 × 30,4 = 2 432 000 (đồng)